

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY**

**Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị
về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TW); Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 148/NQ-CP).

Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW với những nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thống nhất trong công tác chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt sâu rộng quan điểm chỉ đạo của Đảng về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của các ngành, các cấp đối với công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, phù hợp với điều kiện của thành phố gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình nhằm đạt được mục tiêu của Nghị quyết.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng và cả hệ thống chính trị của thành phố trong việc tập trung chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW;

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp triển khai thực hiện tại Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày

24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy, phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng và phát triển thành phố trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là trung tâm phát triển của vùng, là động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Tập trung đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá gắn với nâng cao chất lượng đô thị hóa trên địa bàn thành phố, phát triển đô thị theo hướng bền vững, đồng bộ, hiện đại, tăng trưởng xanh, thông minh, giàu bản sắc văn hóa, kịp thời ứng phó với biến đổi khí hậu, kết nối với khu vực và thế giới.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững trên địa bàn thành phố theo quy định.

- Kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không.

- Kinh tế đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững với các trọng điểm về dịch vụ logistics; trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, phát triển kinh tế biển. Chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện, bảo đảm nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị.

- Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, góp phần nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trong khu vực và trên thế giới; trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I theo quy định; 100% các đô thị hiện có, đô thị mới có Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu và cơ bản hoàn thiện xây dựng Chương trình phát triển đô thị, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị theo quy định; bảo đảm 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị. Đến năm 2030, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại đặc biệt, xây dựng thành phố là một trong số đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương

mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2025 đạt 60 -70%¹, đến năm 2030 đạt 74 - 76%².
- Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn thành phố đạt khoảng 31% - 32% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 34% - 35%³.
- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị toàn thành phố đến năm 2030, đạt 16% - 20%⁴ (trong đó, tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị, khu vực nội thành, nội thị, đến năm 2025 đạt 16% - \geq 24%, đến năm 2030 đạt 16% - \geq 26%)⁵.
- Diện tích cây xanh bình quân đầu người toàn thành phố đạt 10 - 13 m²/người⁶ vào năm 2030, (trong đó, chỉ tiêu tại khu vực nội thành, nội thị trên địa bàn thành phố, đạt 10 - \geq 15m²/người vào các năm 2025, 2030)⁷.
- Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người thành phố đến năm 2025 đạt tối thiểu 29,2m²/người, đến năm 2030 đạt tối thiểu 36,5 m²/người⁸ (trong đó, khu vực nội thành, nội thị đạt 28 - \geq 32 m²/người vào năm 2025 và năm 2030)⁹.
- Đến năm 2025, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình, 100% xã, phường, thị trấn. Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G khu vực đô thị trung tâm. Phổ cập điện thoại di động thông minh, tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%, cung cấp danh tính số trên nền tảng di động cho tối thiểu 40% người dân sống và làm việc trên địa bàn thành phố¹⁰. Đến năm 2030, phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G đạt 100%, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử đạt 100%¹¹.
- Kinh tế khu vực đô thị, tỉ trọng đóng góp của thành phố vào tổng sản phẩm (GDP) cả nước đạt khoảng 6,4% đến năm 2025, đạt 8,2% vào năm 2030¹². Tỷ

¹ Đạt tiêu chuẩn về giao thông đô thị loại I, tại khoản 6, mục II, Chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 08/7/2019 và yêu cầu tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 (sửa đổi Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13);

² Theo Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

³ Theo Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

⁴ Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị toàn thành phố theo thuyết minh (trang 222) đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023;

⁵ Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đối với đô thị loại I vào năm 2025, đô thị loại đặc biệt vào năm 2030 (chỉ tính cho khu vực nội thành, nội thị) theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH13 và Chương trình hành động số 76-CTr/TU về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng;

⁶ Đất xây xanh bình quân đầu người toàn thành phố theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023, đạt 10-13 m²/người vào năm 2030;

⁷ Đất xây xanh bình quân đầu người khu vực đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH13 (đến năm 2025, tiêu chí đô thị loại I, đạt 10 - \geq 13 m²/người vào năm 2025, đạt 10 - \geq 13 m²/người vào năm 2030);

⁸ Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người trên địa bàn thành phố theo Chương trình phát triển nhà ở thành phố tại Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố;

⁹ Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người khu vực đô thị để đạt tiêu chuẩn đô thị loại I, hướng đến đô thị loại đặc biệt theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH13;

¹⁰ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng;

¹¹ Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng;

¹² Căn cứ Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm

trọng kinh tế số trong GRDP của thành phố đến năm 2025 đạt 25% - 30%; đến năm 2030 đạt 35 - 40%¹³. Xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn thành phố kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trung tâm cấp quốc gia và cấp vùng và có ít nhất 01 đô thị trực thuộc thành phố được công nhận đô thị thông minh tầm khu vực và quốc tế vào năm 2030.

- **Tầm nhìn đến năm 2045:** Xây dựng và phát triển thành phố trở thành đô thị đạt tầm cỡ quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới khu vực và quốc tế, góp phần nâng cao tỉ lệ đô thị hóa Việt Nam thuộc nhóm trung bình cao của khu vực ASEAN và Châu Á, giúp liên kết hệ thống các đô thị trong khu vực thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng miền, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị trên địa bàn thành phố phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỷ trọng lớn.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hóa, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững

- Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, quy hoạch, phát triển đô thị, kiến trúc trên địa bàn thành phố, đảm bảo tính minh bạch, thống nhất, loại bỏ các mâu thuẫn, chồng chéo, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư, triển khai thực hiện dự án, đầu tư xây dựng, tuân thủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Nghiên cứu, xây dựng và chuẩn hóa hệ thống các chỉ tiêu, chỉ số về xây dựng, phát triển đô thị bền vững trên địa bàn thành phố phù hợp với các chỉ tiêu, tiêu chuẩn được cấp thẩm quyền ban hành; nâng cao các tiêu chuẩn về phòng, chống thiên tai, cháy, nổ, sự cố môi trường, dịch bệnh, bảo vệ môi trường trong các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố; bám sát các quy định về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị phù hợp với đặc điểm, đặc thù của từng khu vực đô thị; bám sát các quy định về phân loại đô thị được cấp thẩm quyền ban hành, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ với quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính và quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia, quy hoạch thành phố, quy hoạch chung đô thị được cấp thẩm quyền ban hành.

- Bám sát các quy định pháp luật hiện hành và các cơ chế, chính sách để đề

2030, định hướng đến năm 2045 và Chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 08/7/2019.

¹³ Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 và Nghị Quyết số 06-NQ/TW;

ra các giải pháp tạo thuận lợi trong xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng như: Bảo vệ nguồn nước, kết nối hạ tầng, quản lý chất thải, sử dụng tài nguyên, đất đai, vận tải công cộng, hạ tầng số và logistic...; đầu tư vào kết cấu hạ tầng vùng và hạ tầng dùng chung, đặc biệt ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan Trung ương sớm hoàn thiện các cơ chế, chính sách điều phối và kiểm soát đối với công tác quy hoạch, sử dụng đất sản xuất và đất xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các cụm công nghiệp nhằm tạo thuận lợi tối đa cho các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố.

- Bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước tương xứng để đảm bảo thực hiện các mục tiêu của chính sách an sinh nhà ở. rà soát, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, thủ tục hành chính về nhà ở xã hội. Tạo lập hành lang pháp lý và cơ chế khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, người dân tích cực tham gia hình thành và phát triển các quỹ cho phát triển nhà ở và bất động sản trên địa bàn thành phố; có chính sách ưu đãi, khuyến khích đủ mạnh để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng nhà ở, nhà cho thuê đối với người có thu nhập thấp, thu nhập trung bình, cải tạo, chỉnh trang đô thị, xóa bỏ nhà tạm, khu ở phi chính thức, lụp xụp tại các khu vực đô thị trên địa bàn thành phố. Tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc về pháp lý, nghiên cứu xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách đột phá và phân cấp triệt để cho các địa phương để đẩy nhanh cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ, công trình hết niên hạn sử dụng, các khu dân cư nghèo trong đô thị.

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng các yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững

- Nghiên cứu, bám sát hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, từng bước đổi mới về phương pháp quy hoạch theo hướng quy hoạch đô thị phải có cách tiếp cận đa ngành, bao trùm tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững; bảo đảm tính tầng bậc, liên tục, thống nhất, đầy đủ, tích hợp của hệ thống quy hoạch, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch nông thôn; phân định rõ các vùng trong nội dung quy hoạch đô thị và áp dụng các công cụ kiểm soát phát triển theo quy hoạch và kế hoạch; gắn quy hoạch đô thị với nguồn lực thực hiện. Xây dựng hệ thống dữ liệu trên địa bàn thành phố về quy hoạch phát triển đô thị; ứng dụng rộng rãi hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn thành phố, chú trọng quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu công cộng, quy hoạch quản lý sử dụng không gian nổi, không gian ngầm

và hệ thống công trình ngầm đô thị phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh; gắn kết chặt chẽ giữa công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị với nhiệm vụ lập quy hoạch và quản lý, bảo vệ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Tập trung rà soát các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảo đảm phân loại đất đô thị gắn với quy hoạch đô thị và mục đích sử dụng đất: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị được phê duyệt và quy hoạch hạ tầng; kiểm soát chặt chẽ quy trình chuyển đổi đất nông thôn thành đất đô thị theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị.

- Tập trung ưu tiên thực hiện mục tiêu về phát triển đô thị theo quy hoạch trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của thành phố và của từng địa phương. Bám sát các quy định hiện hành của Trung ương, nghiên cứu hoàn thiện các quy định, chế tài để xử lý nghiêm các vi phạm trong quy hoạch và các dự án đô thị chậm triển khai; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và người dân trong tham gia phản biện việc lập và giám sát việc thực hiện quy hoạch đô thị.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, dễ tiếp cận thông tin trong quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố.

3. Tập trung xây dựng, phát triển hệ thống đô thị bền vững và đồng bộ về mạng lưới.

- Nghiên cứu, bám sát hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, xây dựng các chương trình, kế hoạch, quy hoạch về phát triển đô thị trên địa bàn thành phố phù hợp với các chiến lược, quy hoạch về phát triển đô thị quốc gia. Nghiên cứu, xây dựng các vùng đô thị, khu vực phát triển đô thị, hành lang đô thị, dải đô thị ven biển theo hướng xác định rõ vai trò, chức năng của từng đô thị, nhất là các đô thị động lực của từng vùng và cả nước, đô thị kết nối khu vực và quốc tế. Phát triển chuỗi các đô thị biển, đô thị hải đảo gắn với thực hiện Chiến lược kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh; quy hoạch các khu đô thị ven biển trên các địa bàn có nền móng vững chắc và cao độ ổn định, thuận tiện giao thông và cung cấp nước ngọt trong tương lai; kiểm soát và giám sát chặt chẽ việc lấn biển để phát triển đô thị. Đầu tư nâng cao khả năng chống chịu thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu của các đô thị, khu vực đô thị ven biển và các vùng sinh thái dễ bị tổn thương trên địa bàn thành phố.

- Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển thành phố trở thành đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết trong Vùng Duyên Hải Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, Vùng Bắc Bộ... Tăng cường sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị, giảm tải cho các khu vực đô thị có mật độ dân cư tập trung cao. Thực hiện đồng bộ các chính sách giải nén, giảm tải cho các đô thị lớn, khu vực đô thị có mật độ dân số cao, đưa người dân ra các đô thị, khu vực đô thị xung quanh, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh, mô hình thành phố trực thuộc thành phố. Ưu tiên phát triển các đô thị nhỏ (loại V) và vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị - nông thôn. Đầu tư phát triển các đô thị có giá trị về di sản, du lịch, đô thị gắn với những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch.

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn thành phố; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hoá. Phát triển các mô hình đô thị mới phù hợp với thực tiễn, chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD). Nghiên cứu, phát triển các khu đô thị có vị trí, chức năng đặc thù nổi trội như về phát triển đại học, trung tâm sáng tạo, cửa khẩu kinh tế biển, công nghiệp, đảo, cảng, sân bay... theo quy định, phù hợp quy hoạch đô thị, định hướng phát triển đô thị trên địa bàn thành phố và ban hành các cơ chế, chính sách phát triển riêng phù hợp.

- Rà soát và triển khai đồng bộ các chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn thành phố, như: chương trình cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ trên địa bàn thành phố; chương trình cải tạo, nâng cấp, xây dựng thêm các công viên, vườn hoa, xây xanh đô thị; nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông, chiếu sáng, cấp, thoát nước đô thị,... và bám sát các quy định, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương để đề xuất các mô hình quản lý vùng đô thị phù hợp từng giai đoạn.

4. Đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Bố trí nguồn lực và triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, nhà ở xã hội, nhà ở dành cho người lao động, công nhân các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố. Bám sát hướng dẫn của các cơ quan Trung ương để đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, cải tạo nhà ở phù hợp với quy hoạch đô thị và quy

chế quản lý kiến trúc đô thị. Quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng tại khu vực đô thị trung tâm trên địa bàn thành phố. Trên cơ sở hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách riêng về đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp theo hướng ưu tiên bố trí đủ quỹ đất phát triển nhà ở cho công nhân và các thiết chế khác trong khu công nghiệp, coi nhà ở công nhân là một hạ tầng thiết yếu của khu công nghiệp. Đưa các chỉ tiêu về phát triển nhà ở, trong đó có chỉ tiêu bắt buộc phát triển nhà ở xã hội vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của địa phương, bảo đảm bố trí đủ quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội theo quy định.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đầu tư phát triển hạ tầng đô thị đến năm 2030. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và kỹ thuật diện rộng, hạ tầng số. Khuyến khích sử dụng vật liệu xanh, xây dựng và phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiêu thụ năng lượng xanh tại các khu vực đô thị, đô thị trực thuộc trên địa bàn thành phố. Chú trọng ưu tiên quy hoạch hệ thống đường bộ, đường sắt hiện đại, phát triển hệ thống giao thông thủy phù hợp, bảo đảm thông suốt và liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố. Tăng cường khai thác sử dụng hệ thống không gian ngầm, công trình ngầm đô thị, không gian đa chức năng của đô thị. Xây dựng và thực hiện có lộ trình ngầm hóa toàn bộ các đường dây, cáp dịch vụ công cộng tại các khu vực đô thị, đô thị trên địa bàn thành phố. Triển khai đồng bộ, quyết liệt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị: phát huy công nghệ hiện đại trong tái chế rác thải. Xây dựng lộ trình và giải pháp khả thi hạn chế xe cá nhân, nhất là xe máy tại các khu vực đô thị có mật độ giao thông lớn, hạ tầng giao thông còn hạn chế. Nghiên cứu, xây dựng đồng bộ về hạ tầng và xây dựng các chính sách ưu đãi để khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng, thúc đẩy đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ trên địa bàn thành phố tương đương với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới; nghiên cứu tích hợp hệ thống đo lường, cảm biến, các hệ thống dữ liệu, khai thác hiệu quả các nền tảng và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu trên địa bàn thành phố; thúc đẩy mô hình quản lý thông minh trong vận hành, quản lý và khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Nghiên cứu, cấu trúc lại hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; hình thành một số nền tảng số dùng chung trên địa bàn thành phố và hướng đến kết nối chung với các đô thị, vùng đô thị chung cả nước.

- Nâng cấp, cải tạo, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội hiện đại và mạng lưới cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội trên địa bàn thành phố. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu và định hướng phát triển hệ thống công trình dịch vụ hạ tầng xã hội và nguồn lực thực hiện vào quá trình lập và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị. Nghiên cứu, tiếp tục có chính sách khuyến khích, ưu đãi đặc biệt về thuế đối với các dự án cung cấp dịch vụ xã hội đô thị ở các khu kinh tế, các vùng công nghiệp lớn. Đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp dịch vụ đô thị. Đa dạng hoá các mô hình cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội; nghiên cứu, đề xuất thực hiện tích hợp hệ thống hạ tầng xã hội với các đầu mối giao thông tiện ích trên địa bàn thành phố.

5. Xây dựng và hoàn thiện mô hình chính quyền đô thị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị

- Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện Đề án tổ chức chính quyền đô thị có tính đặc thù đối với thành phố. Nghiên cứu, sắp xếp, sáp nhập, thành lập mới đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn thành phố, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch và yêu cầu phát triển của thành phố. Tiếp tục hoàn thiện chức năng quản lý nhà nước về đô thị đến các cấp chính quyền địa phương; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước đầu mối về phát triển đô thị ở địa phương.

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách về phân cấp và trao quyền mạnh mẽ giữa Trung ương và chính quyền thành phố và giữa các cấp chính quyền trên địa bàn thành phố khi thực hiện chính quyền đô thị. Nghiên cứu, đề xuất nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả và tính chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu của chính quyền đô thị các cấp. Đề xuất các giải pháp xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Xây dựng vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành gắn với nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý đô thị trên địa bàn thành phố. Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý đô thị, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số ở đô thị gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị thông minh. Tổng kết, hoàn thiện các quy định phân cấp quản lý cho thành phố phù hợp với yêu cầu phân cấp, trao quyền tự chủ mạnh mẽ cho chính quyền các đô thị.

- Xây dựng văn hóa và lối sống văn minh đô thị. Hoàn thiện quy hoạch không gian văn hóa đô thị đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ của người dân thành phố, chú trọng tạo dựng nhiều không gian văn hóa công cộng. Rà soát, sắp xếp các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các khu vực đô thị, đô thị trên địa bàn thành phố theo hướng thiết thực, hiệu quả, đa năng, phục vụ rộng rãi các đối tượng, phù hợp với Chiến lược phát triển văn hóa, thể thao đến năm 2030. Bố trí đủ quỹ đất và ngân sách hợp lý, quy định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư các khu đô thị đối với việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cư dân; xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp cùng đầu tư.

- Bảo đảm quyền tự do cư trú của người dân và khuyến khích dịch chuyển lao động. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm cho lao động nông thôn di cư, lao động phi chính thức được hòa nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, có cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản của thành phố. Mở rộng diện bao phủ của hệ thống an sinh xã hội tới lao động di cư. Rà soát, hoàn thiện chính sách về hỗ trợ học tập, dạy nghề, việc làm cho người dân bị thu hồi quyền sử dụng đất trong quá trình đô thị hóa. Có chính sách thúc đẩy bình đẳng giới, có chính sách quan tâm tạo việc làm cho nữ giới trên địa bàn thành phố.

- Ưu tiên nguồn lực phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản tại các khu vực đô thị, đô thị, nhất là dịch vụ giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe phù hợp với thực tiễn từng khu vực trên địa bàn thành phố. Hoàn thiện mô hình cơ quan kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn thành phố, bám sát mô hình của Trung ương, bảo đảm đồng bộ với quá trình phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe dân cư đô thị. Nâng cấp hạ tầng và hoàn thiện hệ thống quản lý tình huống khẩn cấp, tăng cường năng lực phòng, chống và giảm thiểu thiên tai, dịch bệnh tại các khu vực đô thị, đô thị trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng và hoàn thiện mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị phù hợp với yêu cầu thực tiễn, chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí, giảm thiểu ô nhiễm bụi, tiếng ồn tại các khu vực đô thị, đô thị trên địa bàn thành phố; xây dựng đồng bộ hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tại các khu vực đô thị, đô thị trên địa bàn thành phố; chú trọng xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị; cải thiện căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường và vệ sinh môi trường ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu nhà ở của người thu nhập thấp trên địa bàn thành phố. Có định hướng và giải pháp phát triển các vùng đệm xanh xung quanh các khu vực đô thị, đô thị trên địa bàn thành phố; phát triển các ngành sản xuất nông nghiệp xanh trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường hợp tác quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng và đô thị, tăng cường hợp tác với các đô thị, các tổ chức quốc tế liên quan. Chủ động, tích cực tham gia hệ thống mạng lưới các đô thị xanh, thích ứng, bản sắc, bền vững và thông minh ở khu vực và quốc tế.

6. Phát triển kinh tế khu vực đô thị; đổi mới cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư phát triển đô thị

- Triển khai các chương trình, đề án tái thiết đô thị hiệu quả để nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế khu vực đô thị; khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng như vỉa hè trong phát triển kinh tế khu vực đô thị. Tiếp tục đẩy mạnh di dời có trật tự các cơ sở sản

xuất chế biến, chế tạo thâm dụng lao động, trung tâm logistics đầu mối, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn cho người dân ra khỏi khu vực trung tâm của thành phố; Nghiên cứu, đề xuất quy hoạch hệ thống các bệnh viện, trường đại học, cao đẳng, cơ sở nghiên cứu, trung tâm logistics, trung tâm thương mại, chợ đầu mối, mạng lưới chợ dân sinh phù hợp với các quy hoạch định hướng phát triển đô thị trên địa bàn thành phố.

- Phát triển kinh tế dịch vụ, các ngành công nghiệp chế tạo tiên tiến và có chiến lược, phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế du lịch, thể thao... trên địa bàn thành phố; phát triển kinh tế gắn với chuỗi giá trị kinh tế nông nghiệp nông thôn và phát triển dịch vụ xã hội tại các đô thị vệ tinh, thị trấn trên địa bàn thành phố. Nghiên cứu, khuyến khích phát triển các thị trấn nông - công nghiệp trên cơ sở các khu dân cư nông thôn hiện có trở thành các trung tâm dịch vụ, sản xuất, chế biến, cung cấp thực phẩm, nguyên liệu, chuyên giao công nghệ... và nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích, nhân rộng các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển gắn với hình thành phát triển đô thị, mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ trên địa bàn thành phố. Khuyến khích các đô thị xây dựng thương hiệu gắn với thúc đẩy phát triển kinh tế của đô thị. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao tại các khu vực đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh trên địa bàn thành phố. Khuyến khích các đô thị hợp tác, xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với các sản phẩm chiến lược và thế mạnh của từng địa phương.

- Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả. Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện hành lang pháp lý và mô hình tổ chức phù hợp để Nhà nước quản lý thị trường bất động sản, kiểm soát và sử dụng hiệu quả giá trị gia tăng từ đất khi hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư mở rộng và khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường nhằm tạo nguồn thu cho đô thị.

- Rà soát, đề xuất tháo gỡ các vướng mắc về chính sách tạo động lực để huy động vốn đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn thành phố theo quy định; tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý tài chính, ngân sách đặc thù đối với thành phố. Rà soát, đề xuất cơ chế tạo nguồn thu, phân cấp ngân sách để lại cho các đô thị, khu vực đô thị có kế hoạch nâng loại đô thị, mở rộng đô thị, trên địa bàn thành phố. Nghiên cứu, đề xuất phân quyền mạnh mẽ cho các chính quyền đô thị các khoản thu từ các loại thuế, phí. Nghiên cứu phối hợp với các cơ quan Trung ương để triển khai thí điểm, tiến tới mở rộng phân cấp cho thành phố và các đô thị trực thuộc trên địa bàn thành phố đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện để được quyết định một số khoản thu đặc thù gắn với yêu cầu tăng cường trách nhiệm cung cấp dịch vụ đô thị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo xây dựng, ban hành Kế hoạch để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP và Chương trình hành động này; phân công cho các cơ quan, đơn vị liên quan, triển khai tổ chức thực hiện hiệu quả, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra.

2. Các quận ủy, huyện ủy, các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn thành phố tổ chức phổ biến, quán triệt tuyên truyền, triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP và Chương trình hành động này tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện; định kỳ kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Thành ủy hướng dẫn việc tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP và Chương trình hành động này trong Đảng bộ và Nhân dân thành phố để tăng cường sự đồng thuận, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn thành phố.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP và Chương trình hành động này.

5. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị được phân công phụ trách thực hiện tốt Chương trình hành động này.

6. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ tham mưu cho Ban Thường vụ Thành ủy tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
 - Ban Kinh tế Trung ương,
 - Văn phòng Trung ương Đảng,
 - Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng,
 - Các đồng chí Ủy viên Thành ủy,
 - Các đảng bộ trực thuộc Thành ủy,
 - Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
 - Các sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố,
 - UBND các quận, huyện,
 - Lưu Văn phòng Thành ủy.
- } (để báo cáo)

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Lê Tiến Châu